

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tài chính  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2731/QĐ-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 148/TTr-STC ngày 15/5/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tài chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính ngành Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính Ngành Tài chính đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính/UBND cấp huyện tỉnh Kiên Giang



- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://botthc.kien Giang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để niêm, yết công khai và thực hiện đúng theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, Phòng KSTTHC, HCTC;
- Lưu: VT, phmanh.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Minh Phụng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH TÀI CHÍNH ÁP DỤNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 148A/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH  
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>I. LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>					
01	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế		Ban Quản lý Khu kinh tế	Không	Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.
02	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động	15 ngày	Ban Quản lý Khu kinh tế	Không	Nghị định số 35/2017/NĐ-CP
03	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	15 ngày	Ban Quản lý Khu kinh tế	Không	Nghị định số 35/2017/NĐ-CP
04	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao		Ban Quản lý Khu kinh tế	Không	Nghị định số 35/2017/NĐ-CP
05	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao	15 ngày	Ban Quản lý Khu kinh tế	Không	Nghị định số 35/2017/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
06	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP.</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24/07/2018 Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.</li> </ul>
07	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC.</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.</li> </ul>
08	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.</li> </ul>
09	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang;	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đối tác công - tư		Sở Tài chính; Các đơn vị khác		BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
10	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
11	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Không quá 30 ngày mỗi bước	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
12	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	7 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
13	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	7 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang;	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Sở Tài chính; Các đơn vị khác		- Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
14	Quyết định tiêu huỷ tài sản công	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
15	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại	30 ngày	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
16	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30 ngày	Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
17	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.	Không quá 30 ngày đối với mỗi bước	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị sự nghiệp	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			công lập		
18	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.	Không quá 30 ngày đối với mỗi bước	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị sự nghiệp công lập	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
19	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	Không quá 30 ngày đối với mỗi bước	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
20	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	Không quá 30 ngày đối với mỗi bước	UBND tỉnh Kiên Giang; Sở Tài chính; Các đơn vị khác	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
21	Mua quyền hóa đơn	Không quá 5 ngày	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
22	Mua hóa đơn lẻ	Không quá 5 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.</li> </ul>
23	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Không quá 2 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.</li> </ul>
24	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	Không quá 2 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC</li> <li>- Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.</li> </ul>



## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC: TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH</b>					
01	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	01 tháng đối với dự án nhóm C; 02 tháng đối với dự án nhóm B; 04 tháng đối với dự án nhóm A	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13</li> <li>- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.</li> <li>- Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2016/TT-BTC.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	01 tháng đối với dự án nhóm C; 02 tháng đối với dự án nhóm B; 04 tháng đối với dự án nhóm A	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13</li> <li>- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13</li> <li>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 09/2016/TT-BTC</li> <li>- Thông tư số 64/2018/TT-BTC.</li> </ul>
03	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	3 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;</li> <li>- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;</li> <li>- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;</li> <li>- Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP;</li> <li>- Căn cứ Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.</li> </ul>
<b>II. LĨNH VỰC: QUẢN LÝ GIÁ</b>					
01	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	5 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giá số 11/2012/QH13</li> <li>- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;</li> <li>+ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP</li> </ul>
02	Quyết định giá thuộc thẩm quyền Sở Tài chính	5 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giá số 11/2012/QH13</li> <li>- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP</li> <li>+ Thông tư số 56/2014/TT-BTC</li> </ul>
<b>III LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>					
	Quyết định điều chuyển tài sản công	30 ngày	Sở Tài chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</li> <li>- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP</li> <li>- Thông tư số 144/2017/TT-BTC</li> <li>- Nghị quyết số</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					172/2018/NQ-HĐND.
2	Quyết định bán tài sản công	30 ngày	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.
3	Quyết định thanh lý tài sản công	30 ngày	Sở Tài chính	Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP - Thông tư số 144/2017/TT-BTC - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CÔNG SẢN</b>					
01	Mua quyền hóa đơn	Không quá 5 ngày	UBND cấp huyện	không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24/07/2018 ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	Mua hóa đơn lẻ	Không quá 5 ngày	UBND cấp huyện	không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. - Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	<b>LĨNH VỰC: TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH</b>				
01	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	01 tháng đối với dự án nhóm C; 02 tháng đối với dự án nhóm B; 04 tháng đối với dự án nhóm A	UBND cấp huyện		- Luật Xây dựng 50/2014/QH13 - Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					18/01/2016 quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước. - Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
02	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có); dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu	01 tháng đối với dự án nhóm C; 02 tháng đối với dự án nhóm B; 04 tháng đối với dự án nhóm A	UBND cấp huyện	Không	- Luật Xây dựng 50/2014/QH13 - Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP - Thông tư số 09/2016/TT-BTC - Thông tư số 64/2018/TT-BTC

